

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn xã Cao Minh

Thực hiện Công văn số 8002/BKHCN-VP ngày 26/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc đề xuất Kế hoạch năm 2026 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030 (sau đây viết tắt là Đề án số 22-ĐA/TU); Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động số 15-KH/TU); Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 129/KH-UBND), Chương trình công tác số 11/CTr/BCĐ của Đảng Ủy xã Cao Minh Chương trình Công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số xã Cao Minh. Ủy ban nhân dân xã Cao Minh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn xã như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa đầy đủ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Đề án số 22-ĐA/TU, Kế hoạch hành động số 15-KH/TU và Kế hoạch số 129/KH-UBND đảm bảo đồng bộ, thống nhất, theo hướng 5 rõ “Rõ việc, rõ người, rõ trách nhiệm, rõ kết quả, rõ thời gian”.

- Nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời huy động sự tham gia, vào cuộc của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị và toàn xã hội trong thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Gắn mục tiêu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn xã trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội để góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng đời sống người dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của xã.

2. Yêu cầu

- Ưu tiên bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực phát triển hạ tầng, dữ liệu, công nghệ chiến lược và nhân lực chất lượng cao; đồng thời đảm bảo kiểm soát hiệu quả trong quá trình thực hiện.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải nhận thức rõ trách nhiệm, nắm vững nhiệm vụ, trực tiếp quán xuyến, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng chậm trễ.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tiến độ và hiệu quả triển khai của các cơ quan, đơn vị để kịp thời xem xét chỉ đạo, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo hiệu quả triển khai theo tiến độ yêu cầu.

II. MỤC TIÊU

(Chi tiết tại Phụ lục I, II gửi kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. UBND xã ban hành kế hoạch thực hiện Kế hoạch năm 2026; đưa chỉ tiêu, nhiệm vụ, kết quả phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào chương trình, kế hoạch công tác. Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả, đồng thời đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý nghiêm trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng chậm trễ.

1.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt triển khai sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW; Quyết định số 204-QĐ/TW; Nghị quyết số 71/NQ-CP; Nghị quyết số 193/2025/QH15; Đề án 22-ĐA/TU; Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 129/KH-UBND và các văn bản có liên quan đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân được biết để qua đó góp phần nâng cao nhận thức, tạo động lực và khí thế thi đua trong hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của xã, lựa chọn triển khai các mô hình, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng thiết thực, hiệu quả, tập trung vào các lĩnh vực: cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công, quản lý đô thị, văn hóa – xã hội và phục vụ Nhân dân. Việc triển khai thực hiện theo nguyên tắc “AI First”, ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý công việc, quản lý, điều hành và cung cấp thông tin, dịch vụ cho người dân.

1.4. Tăng cường chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính; tinh gọn bộ máy, vận hành có hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh phát triển các ứng dụng,

nền tảng, sản phẩm số cụ thể phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách

2.1. UBND xã chủ động rà soát các quy định, quy trình, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của xã có liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kịp thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.2. Triển khai, phối hợp thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo điều kiện để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tiếp cận các chương trình, nhiệm vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số do cấp trên ban hành.

2.3. Ưu tiên bố trí và sử dụng hiệu quả các nguồn lực theo khả năng của ngân sách xã để phục vụ hoạt động chuyển đổi số, cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách.

2.4. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Rà soát, đề xuất cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

2.5. Phối hợp triển khai các chương trình, dự án đầu tư về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo định hướng, kế hoạch của cấp trên; khuyến khích áp dụng phương thức hợp tác công tư đối với các dự án đầu tư phát triển hạ tầng cho chuyển đổi số, nền tảng số dùng chung, đào tạo nhân lực số, các loại hình công nghệ, sản phẩm, dịch vụ khác, hoạt động khác phù hợp với mục tiêu thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

3. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

3.1. Tổ chức triển khai và phối hợp thực hiện các chủ trương, chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh, xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã; khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, hộ kinh doanh, hợp tác xã từng bước đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ số nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động.

3.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh tiếp cận và ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng nền tảng số trong hoạt động sản xuất – kinh doanh, dịch vụ phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

3.3. Phối hợp triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp số, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo các chính sách, chương trình của cấp trên; tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ.

3.4. Khuyến khích và hỗ trợ các hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhất là đối với các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP và các sản phẩm có lợi thế của địa phương.

3.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý đô thị, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch và các lĩnh vực đời sống xã hội; phối hợp triển khai các mô hình, giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân.

3.6. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong công tác tổ chức các hoạt động kết nối, tư vấn, tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận các thông tin về chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.7. Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký, quản lý và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận gắn với địa danh, vùng sản xuất và giá trị văn hóa địa phương theo các quy định hiện hành.

4. Phát triển hạ tầng số

4.1. Căn cứ các chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh. UBND xã xây dựng và tổ chức triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; bảo đảm hạ tầng số đồng bộ, an toàn, an ninh, phục vụ hiệu quả chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã.

4.2. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và cơ quan chuyên môn của tỉnh trong việc nâng cấp, mở rộng hạ tầng viễn thông, bảo đảm vùng phủ sóng thông tin di động, internet băng rộng, cáp quang ổn định; kịp thời phản ánh, đề xuất khắc phục các khu vực sóng yếu, chất lượng kết nối chưa bảo đảm phục vụ Nhân dân.

4.3. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền dữ liệu tốc độ cao tại trụ sở UBND xã, các cơ sở giáo dục, y tế, một số nhà văn hóa, khu dân cư trọng điểm nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu cho người dân, doanh nghiệp.

4.4. Tăng cường sử dụng, khai thác hiệu quả các nền tảng số, hạ tầng số dùng chung do cấp trên triển khai; khuyến khích chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số gắn với các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để nâng cao hiệu quả đầu tư và tiết kiệm nguồn lực.

4.5. Trong hoạt động đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số tại xã, ưu tiên lựa chọn các giải pháp triển khai trên nền tảng điện toán đám mây theo hướng hiệu quả, tiết kiệm, bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và phù hợp với tính chất của hệ thống thông tin.

4.6. Tổ chức cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu dùng chung do cấp trên cung cấp; thực hiện chuẩn hóa, số hóa dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của xã, phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

4.7. Đưa các hoạt động của chính quyền địa phương lên môi trường mạng hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến dựa trên dữ liệu.

5. Triển khai các nền tảng số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

5.1. Triển khai hiệu quả, đồng bộ hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; triển khai cung cấp thông tin, dữ liệu kịp thời cho người dân, doanh nghiệp thông qua trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu mở.

5.2. Triển khai, khai thác và sử dụng hiệu quả các nền tảng, ứng dụng số do Trung ương, tỉnh triển khai nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã theo hướng trực tuyến, dựa trên dữ liệu; phối hợp kết nối, sử dụng các hệ thống giám sát, điều hành thông minh của cấp trên để phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn. Tạo lập và duy trì các kênh tương tác số giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp; bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị đúng quy định; thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dân, doanh nghiệp.

5.3. Tổ chức khai thác, sử dụng và cập nhật hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành do cấp trên quản lý (như: dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên các nền tảng số dùng chung của tỉnh và Trung ương; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong tổng hợp, phân tích thông tin, phục vụ công tác quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã; hạn chế tình trạng trùng lặp, phân tán dữ liệu, nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin.

5.4. Phối hợp tham gia và triển khai các nền tảng, chương trình kết nối do cấp trên tổ chức nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tiếp cận các giải pháp công nghệ, chuyên gia, cơ sở nghiên cứu, đào tạo; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia các hội thảo, diễn đàn, hoạt động giới thiệu, chuyên gia giải pháp, mô hình ứng dụng công nghệ hiệu quả; qua đó góp phần hình thành môi trường chia sẻ tri thức, kết nối cộng đồng đổi mới sáng tạo trên địa bàn.

5.5. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tham gia các chuỗi cung ứng số, nền tảng thương mại điện tử; từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ thông qua các nền tảng số theo quy định.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

6.1. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao.

6.2 Phối hợp xây dựng, rà soát và cập nhật cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã theo hướng số hóa, tập trung, thống nhất; đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời phục vụ công tác quản lý.

6.3. Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng; tiếp tục tuyên truyền, tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn trực tuyến về công nghệ thông tin, an toàn thông tin, kỹ năng số,... trên nền tảng “Bình dân học vụ số” cho cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng, học sinh, người dân, doanh nghiệp.

6.4. Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của Phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chuyển đổi số và công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân trong quá trình chuyển đổi số của tỉnh, xã và tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

6.5. Triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia, phối hợp của các tổ chức, cá nhân; cập nhật, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước; đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cho học sinh, sinh viên, người lao động trong các doanh nghiệp, người dân trong học tập, nghiên cứu, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ thiết yếu khác.

6.6. Duy trì, nâng cao vai trò hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, các đội hình tình nguyện trong công tác hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp ở cơ sở cài đặt các ứng dụng phục vụ công tác chuyển đổi số; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho Tổ công nghệ số cộng đồng.

7. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

7.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân

- Bảo vệ nghiêm ngặt Dữ liệu và Thông tin cá nhân: Yêu cầu các cơ quan, đơn vị phải thực hiện nghiêm việc phân loại dữ liệu theo mức độ mật và có cơ chế kiểm soát truy cập chặt chẽ, đa lớp đối với các cơ sở dữ liệu, nhất là dữ liệu về dân cư,

doanh nghiệp; Bổ sung nhiệm vụ xây dựng quy chế hoặc hướng dẫn cụ thể về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý dữ liệu và chế tài xử lý khi để lộ, lọt thông tin.

- Chủ động phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm trên không gian mạng: phối hợp chặt chẽ giữa Công an tỉnh và Phòng Văn hoá – Xã hội Công nghệ để giám sát, phát hiện và cảnh báo sớm các chiến dịch tấn công mạng, thông tin xấu độc, hoặc các phương thức, thủ đoạn phạm tội mới trên không gian mạng; Bổ sung nội dung tuyên truyền chuyên sâu về nhận diện, phòng ngừa tội phạm công nghệ cao để trang bị kiến thức "tự vệ" cho người dân và doanh nghiệp.

7.2. Tăng cường an ninh mạng

Thực hiện rà soát hiện trạng, đề xuất cơ quan có thẩm quyền đầu tư trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về nguy cơ, sự cố mất an toàn thông tin cho các cơ quan, đơn vị. Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá, diễn tập phương án phòng, chống tấn công mạng; xây dựng và triển khai kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ số của tỉnh.

7.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan tỉnh, Sở, ban, ngành, Công an tỉnh. Có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn. Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

8. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Học tập kinh nghiệm quốc tế, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của xã; Đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ. Phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm đôn đốc, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; Tham mưu xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo UBND tỉnh, sở, ngành liên quan về tình hình thực hiện Kế hoạch.

2. Các phòng, đơn vị thuộc xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan, các đơn vị

trường học, các thôn căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này; định kỳ báo cáo đánh giá tình hình thực hiện gửi UBND xã (qua Phòng Văn hoá - Xã hội xã) để tổng hợp báo cáo Phòng Văn hoá – Xã hội Công nghệ.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Cao Minh. UBND xã đề nghị thủ trưởng các phòng, đơn vị; các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, kịp thời báo cáo UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) để tổng hợp, tham mưu giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hoá - Xã hội;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Các đơn vị trường học trên địa bàn xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Tuấn

DANH MỤC CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch /KH-UBND ngày 30/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Cao Minh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Phát triển hạ tầng			
1.	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên dân số	%	95	Phòng Văn hoá – Xã hội
2.	Người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	95	Phòng Văn hoá – Xã hội
3.	Hoàn thành xóa 5 điểm lỗm sóng.	5	100	Phòng Văn hoá – Xã hội
4.	Xóa 02 thôn chưa có sóng	2	100	Phòng Văn hoá – Xã hội
5.	Phấn đấu mỗi người dân trung bình có 02 kết nối IoT	2	100	Phòng Văn hoá – Xã hội
6.	Bảo đảm hạ tầng internet cáp quang đến thôn, xóm.	%	80	Phòng Văn hoá – Xã hội
7.	Cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.	%	100	Phòng Văn hoá – Xã hội
8.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử đạt trên	%	66% đến 70%	Công an xã, phòng Văn hoá – Xã hội
II	Phát triển nguồn lực			
9.	Tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	%	1%	Phòng Kinh tế
10.	Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100	Phòng Văn hoá – Xã hội
11.	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	100	Phòng Văn hoá – Xã hội
12.	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	95	Các đơn vị thuộc UBND xã
III	Phát triển chuyển đổi số			
13.	Thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
14.	Giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	70	Trung tâm Phục vụ hành chính công
15.	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	95	Trung tâm Phục vụ hành chính công
16.	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công
17.	Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công
18.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công
19.	Duy trì tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	≥98	Trung tâm Phục vụ hành chính công
20.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	85	Trung tâm Phục vụ hành chính công
21.	Hồ sơ công việc của hệ thống chính trị được xử lý trên môi trường điện tử	%	100	Các đơn vị thuộc UBND xã
22.	Hồ sơ, tài liệu phát sinh mới được tạo lập và xử lý điện tử	%	100	Các đơn vị thuộc UBND xã
23.	Số hóa tài liệu lưu trữ của xã	%	100	Các đơn vị thuộc UBND xã
24.	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa	%	90	Trung tâm Phục vụ hành chính công
25.	Phân đấu cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID) cho công dân có đủ điều kiện	%	100	Công an xã
VI	Về an toàn, an ninh mạng			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
26.	Hệ thống thông tin cơ quan đảm bảo ATTT theo cấp độ	%	100	Phòng Văn hoá – Xã hội, Văn phòng HĐND&UBND xã
27.	Hệ thống thông tin được triển khai giám sát an toàn, an ninh mạng và được kiểm tra, đánh giá thường xuyên	%	100	
28.	Thiết bị đầu cuối (máy tính) được cài đặt giải pháp bảo vệ, phòng chống mã độc	%	100	Phòng Văn hoá – Xã hội

Phụ lục II

DANH MỤC NHIỆM VỤ CẤP XÃ NĂM 2026*(Kèm theo Kế hoạch /KH-UBND ngày 30/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Cao Minh)*

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1.	(1)Rà soát, đo kiểm hiện trạng hạ tầng viễn thông; (2)xóa điểm lồi sóng, mở rộng vùng phủ sóng di động, internet băng rộng; (3)phối hợp doanh nghiệp viễn thông khảo sát, đề xuất lắp đặt trạm BTS trên địa bàn xã.	Phòng Văn hóa – Xã hội xã	Các doanh nghiệp viễn thông	Hoàn thành các nhiệm vụ (1), (2), (3) bảo đảm yêu cầu	Quý I và quý II năm 2026	
2.	Rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số: (1) Đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân; (2) Trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; (3) Bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc.	Phòng Văn hóa - Xã hội; Văn phòng HĐND và UBND xã	Các đơn vị thuộc UBND xã	Hoàn thành các nhiệm vụ (1), (2), (3) bảo đảm yêu cầu	Quý II năm 2026	
2.	Tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số.	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Các đơn vị thuộc UBND xã	100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn về ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số	Quý II, quý III năm 2026	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3.	Triển khai hệ thống phòng họp không giấy thông minh	Văn phòng HĐND và UBND xã	Các đơn vị thuộc UBND xã	Triển khai hệ thống phòng họp không giấy thông minh	Quý III năm 2026	
4.	Ứng dụng công nghệ, AI, IoT trong nông nghiệp (thí điểm 3 mô hình, sau đó nhân rộng): tưới tiêu thông minh, quản lý nguồn nước, phòng trừ sâu bệnh, quản lý dinh dưỡng trong đất; gắn với sản phẩm ở địa phương thì sẽ lựa chọn phạm vi và đề xuất.	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xã	Các đơn vị thuộc UBND xã	Hoàn thành thí điểm 3 mô hình tại 3 địa phương về ứng dụng AI, IoT trong nông nghiệp	Quý III năm 2026	
5.	Xây dựng chuỗi cung ứng thông minh cho các sản phẩm OCOP (tối ưu hóa chi phí, chất lượng, truy xuất nguồn gốc).	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Xây dựng thành công chuỗi cung ứng thông minh cho các sản phẩm OCOP từ 4 sao trở lên	Quý III năm 2026	
6.	Đầu tư, nâng cấp hệ thống trang thiết bị cho Trung tâm hành chính công xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Trung tâm phục vụ hành chính công được đầu tư, nâng cấp trang thiết bị đảm bảo chất lượng phục vụ tiếp nhận và giải quyết TTHC	Quý III năm 2026	
7	Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho hệ thống thông tin và thiết bị đầu cuối của UBND xã.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Văn phòng HĐND và UBND xã; Công an xã; các đơn vị thuộc UBND xã; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công	Hệ thống thông tin của UBND xã được rà soát, phân loại và bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ theo quy định; Triển khai giám sát an toàn, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất;	Quý II – Quý IV năm 2026	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
			nghệ thông tin (nếu có)	100% thiết bị đầu cuối (máy tính) của cán bộ, công chức được cài đặt giải pháp bảo vệ, phòng chống mã độc; Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.		